



Cơ chế lãi suất đối với sự phát triển tài chính vi mô ở Việt Nam

ThS. NGUYỄN VĂN CHIẾN

Tại hội nghị tài chính vi mô (TCVM) toàn cầu (2011) Giáo sư Maricruz Lacalle-Calderón cho rằng TCVM thành công nhờ triết lý tín dụng nhỏ dành cho người nghèo, và chính cách tiếp cận tới người nghèo có mức thu nhập ở dưới đáy kim tự tháp trở lên, TCVM đã tạo sự gắn gũi với khách hàng và hiệu quả giảm nghèo. Năm 2011, TCVM đã tiếp cận cho vay được 205 triệu khách hàng, nhiều người trong số đó đã nâng cao được thu nhập và thoát nghèo.

TCVM ở Việt Nam bắt đầu phát triển từ năm 1990, đối tượng phục vụ hướng đến người nghèo. Hiện nay, tín dụng vi mô được tiếp cận qua 3 kênh chính: Một là, các tổ chức hoạt động chính thức theo Luật tổ chức tín dụng 2010, gồm có Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) chiếm thị phần khoảng 80%, Quỹ tín dụng trung ương và cơ sở (PCFs) chiếm 6% thị phần, cùng với 2 tổ chức TCVM mới chuyển đổi thành tổ chức tài chính quy mô nhỏ (TCQMN) (gồm Tài chính quy mô nhỏ TNHH Tỉnh thương TYM

và Tài chính quy mô nhỏ TNHH M7). Hai là, các tổ chức hoạt động bán chính thức, có liên quan đến các tổ chức NGOs quốc tế, chiếm 7% thị phần như: Quỹ CEP, C&D, GRET Vĩnh Phúc (Hoàng Văn Thành, 2012)... và một phần hoạt động TCVM không chính thức từ gia đình, bạn bè và vay nặng lãi (CEP, 2008).

Thời gian qua, hệ thống các ngân hàng thương mại (NHTM) hoạt động nở rộ, tăng trưởng mạnh về số lượng và phạm vi hoạt động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam, nhưng chưa có thêm ngân hàng nào tham gia vào hoạt động TCVM (trừ VBSP)⁽¹⁾. Hiện nay, các tổ chức hoạt động TCVM chính thức như VBSP, Agribank và PCFs thường phục vụ các đối tượng cận nghèo, thì riêng các tổ chức TCVM bán chính thức đối tượng phục vụ cụ thể là người nghèo và rất nghèo, những người bị các NHTM và tổ chức TCVM chính thức bỏ quên. Các tổ chức TCVM bán chính thức phần lớn chưa chuyển đổi thành tổ chức TCQMN hoạt động theo Luật tổ chức tín dụng 2010, kéo theo khó khăn cho họ trong vấn đề quản trị tài chính,

nguồn tài trợ và khả năng có thể phục vụ tín dụng nhỏ cho nhiều người nghèo. Ngay như Quỹ CEP thuộc Liên đoàn Lao động TP.HCM có dự định chuyển đổi từ 2008 nhưng đến nay CEP vẫn hoạt động dưới dạng TCVM bán chính thức.

Sở dĩ tiếp cận vốn qua VBSP thường bỏ qua những hộ thuộc diện nghèo nhất, do phân loại hộ nghèo mang nhiều cảm tính và kém khách quan, kết quả phân loại dựa nhiều vào mối quan hệ thân cận giữa người đánh giá và người được đánh giá, dễ loại bỏ hộ nghèo nhất hoặc các hộ khá giả nhưng lại được công nhận là hộ nghèo. Với PCFs, do năng lực tài chính hạn chế nên các PCFs không thể vươn tới mọi người nghèo. Ngoài ra, người nghèo thường không có tài sản có giá trị, và khi không có tài sản thế chấp dẫn đến phần lớn người nghèo cũng không tiếp cận được nguồn vốn từ các NHTM.

Đối với Agribank hiện có mạng lưới chi nhánh rộng khắp, tuy nhiên Agribank đang hoạt động như một ngân hàng thương mại, chỉ tham gia cấp tín dụng cho các hoạt động nông, ngư nghiệp theo các chương



Phát triển TCVM Việt Nam là cần thiết, góp phần nâng cao thu nhập cho người nghèo, giảm nghèo.

trình của Chính phủ. Tuy vậy, Agribank không cung cấp các sản phẩm hoạt động TCVM như: nhận tiết kiệm và trả nợ với khoản tiền nhỏ, dịch vụ hỗ trợ đào tạo và chia sẻ kinh nghiệm làm ăn...

Tháng 5/2012, Ngân hàng phát triển châu Á cho Việt Nam vay 40 triệu USD nhằm phát triển TCVM. Mục tiêu cải cách thể chế, pháp luật, phát triển TCVM tư nhân, đặc biệt với chính sách tái cơ cấu TCVM phát triển theo định hướng thị trường, mở đường cho TCVM hoạt động ổn định, bền vững về tài chính; giống như Bennett và Cuevas (1996) đã tổng kết rằng: tín dụng được cung cấp cho người nghèo cần phải được đảm bảo bằng yếu tố kinh tế, tức là sự giảm nghèo hiệu quả cần đi liền với cả hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và sự phát triển của hệ thống tài chính; do vậy chính sách phát triển TCVM theo xu hướng thị trường nhằm đảm bảo cho các tổ chức TCVM tồn tại, có tồn tại thì mới có thể theo đuổi chính sách tín dụng nhỏ với người nghèo thành công.

Lãi suất cho vay đối với hoạt động TCVM

Lãi suất thực của khoản vay = lãi suất thực của người gửi tiền + chi phí giao dịch + chi phí dự phòng rủi ro mất vốn + lợi nhuận của tổ chức TCVM.

Lãi suất thực của người gửi tiền nhận được xét theo xu hướng dài hạn sẽ hướng về mức 0, do lãi suất huy động sẽ đủ bù với lạm phát kỳ vọng. Hoạt động TCVM có tỷ lệ hoàn trả nợ cao (lên tới 97 – 98% như ở

Grameen Bank, ở CEP cũng lên tới 95%)(2), vì vậy chi phí dự phòng rủi ro mất vốn thấp. Ngược lại, chi phí giao dịch khá cao, do phần đông các khoản vay vốn nhỏ lẻ, phục vụ tại địa bàn cộng với các tổ chức TCVM tham gia các hoạt động đào tạo, chia sẻ hỗ trợ việc làm và hướng dẫn quản lý tài chính. Do vậy, lãi suất thực các khoản vay phụ thuộc chủ yếu vào chi phí giao dịch, và lợi nhuận yêu cầu của tổ chức TCVM.

Người nghèo có trả được lãi suất cao không? Theo Đào Văn Hùng (2005) đã chỉ ra rằng người nghèo có thể trả lãi suất cao (mức lãi suất tại đó tổ chức TCVM có thể hoạt động bền vững), nhưng có nhiều tình huống khẩn cấp như ốm đau, bệnh tật... người nghèo phải vay từ hàng xóm, người

thân, bạn bè đã phải trả lãi cao hơn cả vay từ tổ chức TCVM. Theo kinh nghiệm quốc tế, ở một số tổ chức TCVM hoạt động vững mạnh về tài chính hiện cũng đang duy trì ở mức lãi suất cao (Xem bảng).

Tại khu vực Mỹ - Latin, lãi suất thực khoản vay trung bình dao động lớn, thấp nhất khoảng 21,76%/năm (tại Asofin, Bolivia) và cao nhất 87,50%/năm tại Mexico, mức lãi suất này đảm bảo các tổ chức TCVM bù đắp các loại chi phí và một vài TCTCVM có lợi nhuận rất lớn. Theo Jonathan Morduch (1999), lãi suất thực khoản vay tại Grameen Bank (GB) – Bangladesh khoảng 29,3%/năm thì GB sẽ vững mạnh về tài chính; thậm chí nếu ngân hàng tìm cách tối ưu hóa chi phí hoạt động thì mức lãi suất thực chỉ cần 17,3%/năm đã đảm bảo ngân hàng hoạt động ổn định.

Ngược lại, ở Việt Nam, VBSP đang cho vay với lãi suất danh nghĩa dao động từ 0% - 10,8%/năm, thấp hơn cả lãi suất tiền gửi ở một số NHTM, gây khó khăn cho VBSP trong việc thu hút được tiền gửi từ người dân và doanh nghiệp hoặc vay vốn từ bên ngoài, cũng như tính bền vững về tài chính.

Ngày 8/6/2012 Ngân hàng nhà nước ban hành Thông tư 20 có quy định các Quỹ tín dụng (PCFs) cho vay theo lãi suất 14%; mặt khác có những khoản vay từ Quỹ tín dụng trung ương, PCFs cũng phải trả lãi suất cao lên đến 1,55%/tháng hoặc 18,6%/năm làm cho PCFs khó có thể đảm bảo an toàn về tài chính. Đồng thời PCFs

BẢNG: LÃI SUẤT THỰC TRUNG BÌNH CÁC KHOẢN VAY Ở CÁC TCTCVM TẠI CHÂU MỸ - LATIN

Tổ chức	Quốc gia	Lãi suất thực
Compartamos, Fincoun	Mexico	80,22% - 87,50%
D-Miro	Ecuador	46,08%
Proempresa, Crear Arequipa, CMAC Sullana, Edyficar, Crear Tacna, CMAC Santa, Confianza...	Peru	28,17% - 40,73%
WWB Popayan, WWB Bogota, WWB Bucaramanga	Colombia	32,68% - 41,85%
WWB Medellin, WWB Cali		
Procredit, Findesa	Nicaragua	40,79% - 41,27%
Asofin (1), Pro-Mujer	Bolivia	21,76% - 34,48%
Nieborowski	Nicaragua	33,64%
Banco Procredit, D-Frif	El Salvador	22,07% - 27,85%

Nguồn: Michael Chu (2007), Commercial Return at the Base of the Pyramid.

đa phần có quy mô nhỏ, địa bàn hoạt động hạn chế, nên không thể bao quát được tất cả người nghèo.

Đối với các tổ chức TCVM bán chính thức chưa chuyển đổi mô hình hoạt động như các tổ chức tín dụng (trừ tổ chức Tài chính quy mô nhỏ TNHH Tinh thương TYM và Tài chính quy mô nhỏ TNHH M7 đã chuyển đổi), hoạt động cho vay được hiểu là các hợp đồng dân sự, lãi suất cho vay tối đa không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản theo ông bố của Ngân hàng Nhà nước (Điều 476, Luật dân sự) tại thời điểm cho vay. Với lãi suất cơ bản hiện thời 8%, lãi suất cho vay không thể lớn hơn 12%, trong khi lãi suất tiền gửi cao nhất hiện nay dao động trong khoảng 11%, không thể đảm bảo cho các tổ chức TCVM này hoạt động vững mạnh về tài chính.

Tuy nhiên, một số tổ chức TCVM bán chính thức vẫn đang cho vay với lãi suất khá cao, trái với quy định của pháp luật và có thể gây ra tranh chấp pháp lý. Theo Hoàng Văn Thành (2012) lãi suất vay bình quân tại CEP khoảng 23,46%/năm – 27,49%/năm (lãi suất thực khoảng 13,46%/năm – 17,49%/năm, với mức lạm phát khoảng 10%/năm). Mặc dù cho vay với lãi suất cao như vậy, nhưng CEP đã xuất hiện khoản lỗ những năm gần đây, dẫn đến hoạt động của CEP cần thêm khoản tài trợ từ bên ngoài. Ngoài ra, nếu các tổ chức TCVM không chọn thực hiện cho vay lãi suất cao, để tồn tại họ sẽ phải

tao ra các khoản phí đi kèm khi cho vay, tạo ra sự không minh bạch trên thị trường tài chính.

Bức tranh chung thấy rằng, hoạt động TCVM ở Việt Nam đang đứng giữa ngã ba đường, vừa phục vụ mục tiêu giảm nghèo, vừa đảm bảo yêu cầu tồn tại của tổ chức bằng các trợ cấp để duy trì hoạt động. Mặt khác, chính sách trợ cấp hiện nay bằng cách duy trì lãi suất cho vay thấp kéo dài tại các tổ chức TCVM cũng đã gây ra tình trạng một số người tham gia vay vốn, rồi sau đó gửi ngược trở lại các tổ chức tín dụng để hưởng lãi suất chênh lệch, làm giảm hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo, bóp méo chính sách.

Nếu các tổ chức TCVM chuyển đổi sang tổ chức TCQMN hoạt động như các tổ chức tín dụng – họ có thể cho vay theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng, các tổ chức TCVM hoạt động theo thị trường và có thể theo đuổi mục tiêu bền vững tài chính của tổ chức, có lợi nhuận, nhờ đó tạo cơ hội sự gia nhập ngành đối với hoạt động TCVM. Tuy nhiên, sự khác biệt về nhận thức, ngại với những thách thức về quản trị điều hành, nguồn nhân lực, minh bạch về tài chính đã làm cho tổ chức TCVM ngại thay đổi và chần chừ trong việc chuyển đổi. Mặt khác, các tổ chức TCVM không bị áp lực phải duy trì sự tồn tại của mình do chúng đều thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, nơi đây cũng là bầu sữa mẹ mà họ có thể an tâm tiếp nhận nguồn tài trợ từ Chính

phủ, tổ chức thiện nguyện và ưu đãi khác, và các tổ chức TCVM khi hoạt động tại địa bàn cũng nhận được nhiều sự trợ giúp từ tổ chức chính trị - xã hội với chi phí thấp, cũng là động cơ ngăn cản các tổ chức TCVM chuyển đổi hoạt động.

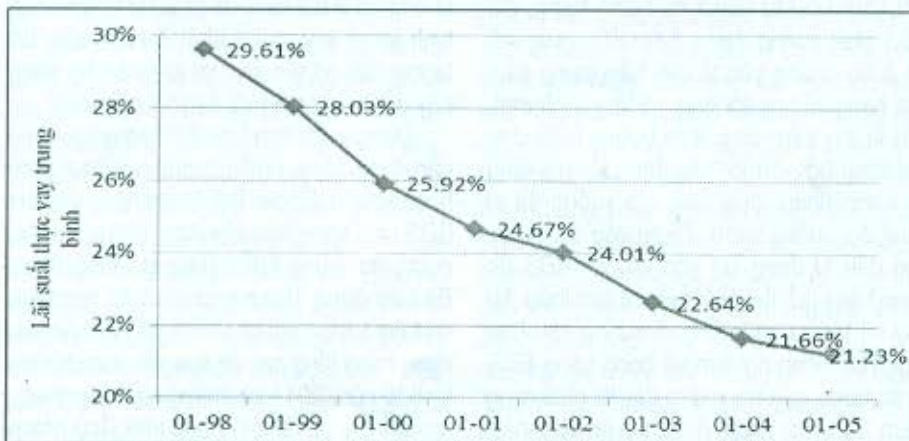
Chuyển đổi sang tổ chức TCQMN và sự điều hành của nhà nước

Các tổ chức TCQMN được phép giao dịch theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng, tuy nhiên nhà nước cần duy trì chính sách điều hành lãi suất riêng đối với TCVM, đảm bảo cho người nghèo có thể tiếp cận khoản vay với chi phí hợp lý. Bởi hiện nay, TCVM đã phát triển trên thế giới, các ngân hàng TCVM hoạt động có lợi nhuận rất cao; do chính sách lãi suất khác nhau giữa các tổ chức TCVM, kể cả đối với các tổ chức TCVM tương đồng như ở khu vực Mỹ - Latin. Ví dụ: tại tổ chức Compartamos – Mexico lãi suất thực các khoản vay lên tới 87,50%/năm, nhưng tổ chức Asofin – Bolivia chỉ là 21,76%/năm. Ngay như thị trường TCVM Bolivia, lãi suất thực khoản vay cũng đang có xu hướng giảm đều hàng năm, từ mức 29,61% (năm 1998) xuống còn 21,23%/năm (năm 2005) mà vẫn đảm bảo mục tiêu sinh lời. Sở dĩ lãi suất thực giảm là do sự giảm dần chi phí giao dịch ở các tổ chức TCVM qua các năm. Điều đó cho thấy cần đưa ra lãi suất thực khoản vay trần, ở đó vừa đảm bảo tổ chức TCVM có lợi nhuận, với các khoản chi phí ở mức chấp nhận được, vừa đảm bảo quyền lợi cho người nghèo.

Vấn đề chính sách

Phát triển TCVM Việt Nam là cần thiết, góp phần nâng cao thu nhập cho người nghèo, giảm nghèo. Một số chính sách Việt Nam có thể áp dụng nhằm phát triển TCVM như: (i) Tái cấu trúc VBSP, PCFs hoạt động theo xu hướng thị trường, tạo điều kiện thu hút nguồn tài trợ hiệu quả; (ii) Hoạt động của Agribank cần cơ cấu tạo nhiều sản phẩm phù hợp với TCVM như: cho phép trả nợ và nhận tiết kiệm đối với các khoản tiền nhỏ, hỗ trợ đào tạo và chia sẻ kinh nghiệm làm ăn... để tận dụng tối đa hiệu quả mạng lưới hoạt động của Agribank; (iii) Các tổ chức TCVM bán chính thức cần nhanh chóng chuyển đổi

LÃI SUẤT THỰC TCVM TRUNG BÌNH, BOLIVIA, NĂM 1998 – 2005



(Nguồn: Michael Chu, 2007)

mô hình hoạt động như tổ chức tín dụng, tạo điều kiện cho các tổ chức TCVM hoạt động ổn định, làm cơ sở đảm bảo mục tiêu giảm nghèo hiệu quả■

Chú thích:

1 Theo Ngân hàng Nhà nước, đến ngày 15/6/2012 Việt Nam có: 5 Ngân hàng quốc doanh, 35 Ngân hàng Thương mại cổ phần, 4 Ngân hàng liên doanh, 5 Ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 49 văn phòng đại diện Ngân hàng nước ngoài, và chỉ có 1 Ngân hàng Chính sách
2 Theo Đào Văn Hùng (2005), các nghiên cứu ở Bangladesh, Bolivia, Colombia, Costa Rica, Ethiopia cho thấy người nghèo có tỷ lệ hoàn trả trung bình cao hơn người khá giả.

Tài liệu tham khảo:

1. ADB (2012), "42235-013: Microfinance Development Program Subprogram 1", Socialist Republic of Viet Nam: Microfinance Development Program.
2. Bennett, L. and C. Cuevas (1996), Sustainable banking with the Poor, Journal of International Development 8, 145-152.
3. Chu, Michael (2007), Commercial Return at the Base of the Pyramid.
4. Global Microcredit Summit (2011), Moving 100 Million Families Out of Severe Poverty: How Can We Do It?, Valladolid, Spain.
5. Hiệp hội Quý tín dụng nhân dân Việt Nam (2008), Công văn 199/2008/CV - QTW của QTDND Trung ương hướng dẫn "thực hiện cơ chế điều hành lãi suất" đối với QTDND cơ sở.
6. Hà Hoàng Hợp và đtg (2006), Tài chính vi mô và tiếp cận tín dụng của người nghèo nông thôn, Trung tâm Hội nhập và Phát triển Việt Nam.
7. Đào Văn Hùng (2005), Phát triển hoạt động Tài chính vi mô ở Việt Nam, NXB Lao Động - Xã hội.
8. Morduch, Jonathan (1999), The Microfinance Promise, Journal of Economic Literature, Vol. XXXVII (December 1999), pp. 1569-1614.
9. Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (2012), "Chức năng nhiệm vụ", truy cập
10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2012), Thông tư 20 - Quy định lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngày 8/6/2012.
11. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2012), truy cập
12. Quỹ trợ vốn cho người nghèo tự tạo việc làm CEP (2008), Báo cáo về CEP, Tổng Liên đoàn lao động TP HCM
13. Quỹ trợ vốn cho người nghèo tự tạo việc làm CEP (2011), Báo cáo hoạt động năm 2011, Tổng Liên đoàn lao động TP HCM
14. Hoàng Văn Thành (2012), Đánh giá chính sách về tổ chức và hoạt động của các tổ chức Tài chính vi mô, Đại học Kinh tế TP HCM.

GIẢI CỨU THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN một mũi tên trúng nhiều đích

VĂN TẠO

Tại bản tham luận về kinh tế Việt Nam 2012 tại Diễn đàn kinh tế mùa thu do Ủy ban Kinh tế của Quốc hội tổ chức trong hai ngày 28 và 29/9/2012, theo tính toán của bộ phận nghiên cứu thuộc Dragon Capital, cả Tp.HCM và Hà Nội mỗi nơi có khoảng hơn 35 nghìn căn hộ sẵn sàng để bán. Trong trạng thái thị trường đóng băng hiện nay, theo đánh giá của Dragon Capital, giá trị hàng tồn kho BĐS có thể lên tới 140.000 tỷ đồng. Theo Viện trưởng kinh tế Trung ương Trần Đình Thiên, đây là con số khổng lồ và hệ lụy mà nó gây ra cho nền kinh tế cũng như mức độ rủi ro và đe dọa hệ thống ngân hàng và gây quan ngại cho nền kinh tế. Theo nhận định của Dragon Capital nếu không có giải pháp để kích cầu mua căn hộ, có lẽ cần ít nhất 7 năm mới tiêu thụ hết lượng căn hộ tồn kho hiện nay và việc giải quyết nợ xấu bất động sản còn khá xa vời. Theo nhận định của Tiến sĩ Alain Pham - Chủ tịch Quý Đầu tư Viasa tại Hong Kong, giá BĐS phải xuống thêm 20%-30% nữa mới về đúng những yếu tố căn bản (cung cầu, khả năng của người mua và tâm lý chung). Đây là đáy bền vững, vì thị trường BĐS chịu tác động bởi yếu tố "bẫy đàn", khi giá tăng thì tranh nhau mua vào, giá xuống thì ai cũng đợi xuống thêm. Thêm vào đó, nhiều nhà đầu tư đang kẹt vốn và các BĐS do ngân hàng tịch thu phải đem ra bán tháo. Từ đây sẽ tạo ra xu hướng đi xuống sâu hơn đây. Theo kinh nghiệm về bong bóng BĐS ở các nước, sau khi xuống đáy thì phải cộng thêm 30% độ giảm vì sự xuyên đáy này. Như vậy, sang quý II/2013 nó sẽ chạm đáy

và hai năm tiếp sẽ xuyên đáy.

Lý giải vì sao hiện nay có căn hộ giảm xuống 14 triệu đồng/m² vẫn không có người mua, TS Alain Pham cho rằng, vì niềm tin còn thiếu nên khách hàng còn dè. Thêm vào đó, với giá vàng gia tăng, giá của BĐS cao hơn thực tế; giá BĐS phải xuyên đáy xuống 10 triệu đồng/m² thì thị trường mới có thể phục hồi. Một yếu tố khác là giá trị chung cư khác giá trị nhà mặt phố. Một phần lớn tạo ra giá trị gia tăng là vấn đề quản lý. Đây là lý do Phú Mỹ Hưng bán được các dự án với giá cao.

TS. Alain Pham cho rằng, có một giải pháp là Chính phủ quốc hữu hóa các căn hộ để trống rồi giao lại cho các chủ nợ. Ở Mỹ, khi DN phá sản thì tòa án làm chủ, sắp xếp với các chủ nợ để thanh lý. So sánh Việt Nam với các nước Đông Nam Á khác, giá căn hộ trung bình tại Malaysia và Thái Lan chỉ chừng 400-500 USD/m² (tương đương 10 triệu đồng/m²). Nếu bong bóng BĐS không nổ vì bất cứ lý do gì, sự trì trệ cho nền kinh tế sẽ kéo dài ít nhất 8 năm nữa. Số lượng căn hộ tồn kho và các căn hộ đang xây dở dang phải mất đến 10 năm nữa.

Đứng trước tình hình thị trường bất động sản đóng băng, nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giải thể, khiến hàng tồn kho BĐS cao, hàng hóa xây dựng không tiêu thụ được, tình trạng thất nghiệp gia tăng. Theo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, hiện có trên 1 triệu người phải nghỉ việc, nợ xấu ngân hàng tăng cao đe dọa đến tăng trưởng kinh tế năm 2013 và những năm tiếp theo.

Để giải quyết tình trạng trên, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã đích thân đến làm